TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 83/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2024
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Thanh Hoàng.

2. Ông: La Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 22/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 277/2024/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2024, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Cà T, sinh năm 1984;
2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

(các đương sự có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 11/3/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Cà T trình bày:

Bà và ông T1 chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã M, Đ, Long An. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, ông T1 không tôn trọng, thường xuyên đánh đập bà, ông T1 còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Nhận thấy, tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà xin ly hôn với ông T1.

Về con chung: bà T khai bà và ông T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 2007, Nguyễn Thị Bé T3, sinh năm 2011. Khi ly hôn, bà T xin được quyền trực tiếp nuôi con. Không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà và ông T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T1 trình bày: thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản cũng như về nợ là đúng, nguyên nhân mẫu thuẫn gia đình thì không đúng. Ông T1 cho rằng vợ chồng chỉ cãi vã nhau, không có quan hệ với người phụ nữ khác như bà T trình bày. Nay bà T xin ly hôn, ông không đồng ý và xin được hàn gắn, đoàn tụ.

Trường hợp, Tòa án có căn cứ chấp nhận đơn ly hôn của bà T, nếu con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn cương quyết xin ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năn hàn gắn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên toà, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng,*

1.1 *Thẩm quyền giải quyết vụ án,*

Bà Phan Thị Cà T4 xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T1. Ông T1 hiện đang cư trú tại xã M, Đ, Long An. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về pháp luật áp dụng: Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. *Về nội dung*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân,*

Bà Phan Thị Cà T và ông Nguyễn Văn T1 chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trước tòa, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn; ông T1 là không đồng ý ly hôn và tha thiết xin đoàn tụ.

Xét thấy, theo như lời trình bày của Tươi thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, tình cảm vợ chồng không còn khả năn hàn gắn. Bà T đã nộp đơn ky hôn lần thứ nhất vào tháng 10 năm 2023 nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông T1 không đồng ý ly hôn nhưng không đưa giải pháp gì để hàn gắn.

Từ những phân tích trên, thấy rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông T1 không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*:

Bà T khai bà và ông T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 2007, Nguyễn Thị Bé T3, sinh năm 2011; hiện con đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà T xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Ông T1 thì cho rằng nếu con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi.

Thấy rằng, các cháu T2 và T3 hiện đã đủ 07 tuổi, tại bản tự khai các cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu T2 và cháu T3 cho bà T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung*: bà T, ông T1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. *Về nợ chung*: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[3]. *Về án phí*: Bà Phan Thị Cà T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 35, 63, 146, 222, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Cà T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Cà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Cà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là các cháu Nguyễn Thị Hồng T2, sinh năm 2007 và Nguyễn Thị Bé T3, sinh năm 2011.

Ông Nguyễn Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà Phan Thị Cà T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét

4. Về án phí: Bà Phan Thị Cà T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 6519 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Thức

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Mỹ Hạnh Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.